

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HS-ST
Ngày: 07/5/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY - TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Khoa.
2. Bà Nguyễn Thị Thúy Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Huỳnh Phúc Tài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Ngô Bảo Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Hồng H (tên gọi khác: M), sinh năm 1981, tại tỉnh Tiền Giang.

Hộ khẩu thường trú: Khu phố *, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang; chỗ ở: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn Q (chết) và bà Chương Thị H (chết); Vợ: Võ Thị Phương N (chết), con: Trần Hữu L, sinh năm 2009; tiền án: 01, ngày 28/02/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 01 năm về tội trộm cắp tài sản, đến ngày 28/02/2018, bị cáo đã chấp hành xong thời gian thử thách, tuy nhiên đến ngày 06/01/2020 bị cáo mới đóng án phí; tiền sự: 01, ngày 03/3/2018, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thời hạn 03 tháng từ ngày 04/3/2018 đến ngày 04/6/2018 đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị bắt tạm giam ngày 22/01/2020 (có mặt).

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962 (xin vắng mặt);

Trú tại: Khu phố *, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982 (xin vắng mặt);
Trú tại: Khu phố *, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
+ Anh Dương Gia L, sinh năm 1970 (xin vắng mặt);
Trú tại: Khu phố *, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ, ngày 17 tháng 12 năm 2019, bị cáo Trần Hồng H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 63V1-2653 do chị Nguyễn Thị T đứng tên chủ sở hữu đi ăn hủ tiếu, đi đến khu vực cầu Sáu Biếu, rẽ phải vào đường đan, đến phần đất của bà Nguyễn Thị N thì bị cáo thấy hai cây bông trang trước cửa nhà bà N, bị cáo nảy sinh ý định trộm, liền điều khiển xe quay trở về nhà bị cáo lấy một sợi dây ràng và quay trở lại chỗ có hai cây bông trang vào khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày. Bị cáo dùng tay nhổ hai cây bông trang và dùng dây ràng hai cây bông trang vừa trộm được vào phía sau xe chở đến bán cho anh L với giá 200.000 đồng. Khi lực lượng công an đến thì anh L tự nguyện giao nộp 02 cây bông trang trên.

Kết luận định giá tài sản số 162/BB-HĐĐGTTHS ngày 29/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Gò Công Tây tại thời điểm chiếm đoạt tổng thiệt hại tài sản là 2.800.000 đồng, bao gồm: 01 (một) cây trang kiểng kiểu dáng lục bình, cao 86 cm, có lồng khung kim loại cao 87 cm, phần rộng nhất 110 cm, phần hẹp nhất 40 cm có giá trị là 800.000 đồng; 01 (một) cây trang kiểng, kiểu dáng lục bình, cao 116 cm, có lồng khung kim loại cao 103 cm, phần rộng nhất 124 cm, phần hẹp nhất 45 cm có giá trị: 2.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình là đúng theo nội dung bản cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát đã công bố. Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đúng tội không oan, sai.

Bản cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 01/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây đã truy tố bị cáo Trần Hồng H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây trong phần tranh luận giữ nguyên quan điểm như cáo trạng, truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản đã nêu trên, đồng thời đưa ra những chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Hồng H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Hồng H từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 (một) sợi dây ràng bằng thun màu xanh có chiều dài 172 cm.

Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí theo quy định.

Bị cáo không tham gia tranh luận, bị cáo nói lời nói sau cùng, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Gò Công Tây, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Người bị hại bà Nguyễn Thị N có đơn xin vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T, anh Dương Gia L có đơn xin vắng mặt. Tuy nhiên, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên có lời khai tại Cơ quan điều tra, việc vắng mặt họ tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên là phù hợp với Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Để có tiền tiêu xài, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của người quản lý tài sản để lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Giá trị tài sản trộm cắp theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Gò Công Tây là 2.800.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Vì vậy, cần cách ly bị cáo một thời gian đủ để tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án, 01 tiền sự. Qua đó, cho thấy bị cáo có nhân thân không tốt. Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và

tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự được xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo không có thu nhập, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, cha mẹ chết, vợ chết, phải nuôi con nhỏ, nên không áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bà N đã nhận lại tài sản bị trộm. Chị T, anh L không yêu cầu bồi thường dân sự.

[7] Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) sợi dây ràng bằng thun màu xanh có chiều dài 172 cm.

[8] Vấn đề khác của vụ án: Đối với anh Dương Gia L đã mua tài sản do bị cáo H phạm tội mà có. Tuy nhiên, khi mua anh L hoàn toàn không biết đây là tài sản do bị cáo H đã trộm cắp mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Gò Công Tây không xử lý hình sự anh L là phù hợp.

Chị T cho bị cáo H mượn xe để làm phương tiện đi lại, việc bị cáo H sử dụng vào việc phạm tội chị T hoàn toàn không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Gò Công Tây không xử lý hình sự đối với chị T và trả lại xe cho chị T là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Xét quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; các điều 106, 329, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Tuyên bố bị cáo Trần Hồng H (tên gọi khác: M) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Trần Hồng H 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/01/2020.

Quyết định tạm giam bị cáo Trần Hồng H 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Hồng H.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) sợi dây ràng bằng thun màu xanh có chiều dài 172 cm.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây).

4. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo Bản án này đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Cơ quan CSĐT, Cơ quan THA hình sự CA huyện Gò Công Tây;
- Nhà tạm giữ CA huyện Gò Công Tây (hoặc nơi giam giữ bị cáo);
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã (nơi bị cáo cư trú);
- Người bào chữa (nếu có);
- Bị cáo;
- Bị hại, người tham gia tố tụng khác;
- Bộ phận THA phạt tù;
- Hồ sơ vụ án, Lưu AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Kiều Oanh